

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Contratto n.: HDLD-047/2025/<SPX> — Hà Nội, 3/1/2025

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Contratto di lavoro · ai sensi del Codice del lavoro del 2019 e del Decreto 145/2020/ND-CP relativo alle condizioni di lavoro e ai rapporti di lavoro

Ai sensi di: il Codice del lavoro del 2019 (Legge n. 45/2019/QH14); il Decreto 145/2020/ND-CP; il Decreto 152/2020/ND-CP relativo ai lavoratori stranieri in Vietnam; e l'accordo delle due parti,

IL DATORE DI LAVORO (PARTE A)

CÔNG TY TNHH <SPECIMEN> VIETNAM Società

Ông <SPECIMEN> — Tổng Giám đốc Rappresentato/a da

01 SPECIMEN 58 Codice fiscale

Tầng 12, Tòa nhà <SPECIMEN> Tower, số 88 Láng Hạ, Q.

Đống Đa, TP. Hà Nội Indirizzo

IL LAVORATORE (PARTE B)

Ông JEAN <SPECIMEN> ALEXANDRE

Pháp (France) — cá nhân nước ngoài Nazionalità

00 SPECIMEN 00 N. di passaporto

00 SPECIMEN 25/GPLĐ — Số LĐTBXH TP. Hà Nội, hiệu

lực đến 2/1/2027 N. di permesso di lavoro

CLAUSOLE DEL CONTRATTO

① Điều 1. Loại hợp đồng và thời hạn

Loại hợp đồng: xác định thời hạn 24 tháng, từ ngày 03/01/2025 đến hết ngày 02/01/2027, theo Điều 20 Bộ luật Lao động 2019. Thời gian thử việc đã hoàn thành trước ngày ký hợp đồng này.

② Điều 2. Công việc và địa điểm làm việc

Chức danh: Trưởng phòng Phát triển Kinh doanh (Business Development Manager). Địa điểm làm việc: trụ sở Bên sử dụng lao động nêu trên và các địa điểm khác theo phân công công việc.

③ Điều 3. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi

Thời giờ làm việc: 8 giờ/ngày, 5 ngày/tuần (thứ Hai – thứ Sáu, 08:30–17:30). Nghỉ hằng năm: 12 ngày phép/năm theo Điều 113 Bộ luật Lao động 2019, cộng các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định.

④ Điều 4. Tiền lương, phụ cấp và hình thức trả lương

Mức lương: 52.000.000 đ/tháng (lương gross) + phụ cấp nhà ở 8.000.000 đ/tháng + phụ cấp đi lại 3.000.000 đ/tháng. Hình thức trả lương: chuyển khoản, vào ngày 05 hằng tháng. Xét nâng lương hằng năm theo kết quả đánh giá công việc.

⑤ Điều 5. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Hai bên tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp bắt buộc trên mức lương ghi tại Điều 4, kể từ tháng lương đầu tiên, theo Luật Bảo hiểm xã hội và Nghị định 145/2020/NĐ-CP.

⑥ Điều 6. Giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài

Bên lao động đã được cấp Giấy phép lao động nêu tại phần thông tin các bên, do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội TP. Hà Nội cấp, có hiệu lực trong suốt thời hạn hợp đồng, theo Nghị định 152/2020/NĐ-CP.

⑦ Điều 7. Quyền và nghĩa vụ · Điều 8. Chấm dứt hợp đồng và giải quyết tranh chấp

Các bên thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Bộ luật Lao động 2019 và nội quy lao động của công ty. Hợp đồng chấm dứt khi hết hạn hoặc theo Điều 34–36 Bộ luật Lao động 2019; tranh chấp được giải quyết thương lượng, hòa giải viên lao động, hoặc Tòa án có thẩm quyền tại Hà Nội.
[...]

PER IL DATORE DI LAVORO

Firma, nome completo

PER IL LAVORATORE

Firma, nome completo

<SPECIMEN>



<SPECIMEN>

Bozza a scopo illustrativo · specimen

Il *Hợp đồng lao động* (Contratto di lavoro), clausola per clausola

Un impiego stabile con un regolare contratto di lavoro è la prova di reddito che le banche vietnamite vogliono vedere prima di approvare il mutuo di un acquirente straniero. I riferimenti ①–⑦ rimandano al facsimile della pagina precedente — le sette clausole che un addetto ai mutui verifica per prime. Documento specimen — dati fittizi.

① Tipo e durata del contratto — *Loại hợp đồng, thời hạn*

Un **contratto a tempo determinato di almeno 12 mesi** (o a tempo indeterminato) rassicura il creditore sul fatto che il reddito non sia occasionale. Un contratto in scadenza pochi mesi dopo la richiesta del mutuo indebolisce la pratica.

RED FLAG Il contratto scade prima delle prime scadenze di rimborso del mutuo, oppure si tratta solo di un breve accordo di prova o occasionale.

② Qualifica e sede di lavoro — *Chức danh, địa điểm làm việc*

La **posizione e l'indirizzo del datore di lavoro** devono corrispondere alle buste paga e al permesso di lavoro che la banca richiederà anch'essa.

RED FLAG La qualifica indicata nel contratto non corrisponde a quella riportata sulle buste paga o sugli estratti conto.

③ Orario di lavoro — *Thời giờ làm việc*

Un orario standard a tempo pieno (non oltre le 48 ore settimanali) conferma che si tratta di un **impiego salariato regolare**, non di un lavoro part-time o autonomo che i creditori valutano meno favorevolmente.

RED FLAG Il contratto descrive solo orari part-time, a chiamata o a cottimo.

④ Stipendio e indennità — *Tiền lương, phụ cấp*

La clausola più scrutinata dalle banche: lo **stipendio mensile lordo**, eventuali indennità di alloggio/trasporto e la data fissa di pagamento. I creditori generalmente calcolano il mutuo solo sullo stipendio base, escludendo i bonus.

RED FLAG Lo stipendio compare solo come “reddito totale” forfettario senza dettaglio, oppure è pagato in contanti senza traccia bancaria.

⑤ Assicurazione sociale — *BHXH, BHYT, BHTN*

La prova che i contributi per **assicurazione sociale, sanitaria e di disoccupazione** vengono trattenuti sullo stipendio dichiarato — le banche verificano questo dato incrociandolo con il libretto assicurativo ufficiale del lavoratore (sổ BHXH) per confermare che lo stipendio sia reale e non solo dichiarato sulla carta.

RED FLAG Assenza della clausola assicurativa, oppure stipendio base ai fini assicurativi molto inferiore allo stipendio dichiarato.

⑥ Permesso di lavoro — *Giấy phép lao động*

Per un lavoratore straniero, un **permesso di lavoro** (giấy phép lao động) valido e menzionato nel contratto è ciò che rende l'impiego — e quindi il reddito — legalmente riconosciuto in Vietnam.

RED FLAG Assenza del numero del permesso di lavoro, oppure permesso che scade prima che la durata del mutuo ne richieda il rinnovo.

⑦ Cessazione e legge applicabile — *Chấm dứt hợp đồng, luật áp dụng*

Motivi di cessazione chiari e periodi di preavviso conformi al **diritto del lavoro vietnamita**, oltre alla sede di risoluzione delle controversie indicata, dimostrano che il rapporto è formale ed esecutivo.

RED FLAG Cessazione lasciata del tutto indeterminata (“in qualsiasi momento, senza preavviso”), oppure disciplinata da una legge straniera senza sede vietnamita.